

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-38



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND; và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 11/05/2017 về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: rút nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Trung	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

1106
KHIEM
KIEM
AA
TKI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Trong năm 2016, Công ty đã trả trước cho bà Phạm Thị Hinh số tiền 15 tỷ đồng để mua lại khu đất tại địa chỉ Thôn 3, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh để mở chi nhánh/văn phòng đại diện của Công ty tại Yên Bái theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 25/12/2016/VSM-HĐQT ngày 26/12/2016. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên vẫn chưa hoàn thành các thủ tục sang tên, chuyển giao quyền sử dụng đất (chi tiết xem Thuyết minh số 8). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính năm kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về các vấn đề sau:

- Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang phân ánh giá trị khoản đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết theo giá gốc với tổng giá trị là 110 tỷ đồng do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này cũng như không nhận thấy các bằng chứng về suy giảm khả năng thu hồi (chi tiết xem Thuyết minh số 5).
- Tại thời điểm 31/12/2017, số dư các khoản tạm ứng cho các cổ đông, thành viên HĐQT của Công ty là 13,08 tỷ đồng. Các khoản tạm ứng này nhằm mục đích đầu tư mua cổ phiếu; tìm kiếm địa điểm, thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản làm chi nhánh/văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các thủ tục để mua cổ phiếu và thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản vẫn chưa hoàn thành và chưa có kế hoạch, thông tin cụ thể về tiến độ thực hiện. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các cá nhân trên đã hoàn ứng cho Công ty số tiền là 9,95 tỷ đồng (xem chi tiết Thuyết minh số 9).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0777-2018-002-1

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0938-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.522.600.067	123.538.737.081
110	I. Tài sản tài chính		43.305.108.883	84.050.992.662
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	94.784.923	130.285.378
111.1	1.1 Tiền		94.784.923	130.285.378
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	10.762.681.000	29.964.596.000
116	3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	-	(21.794.773.700)
117	4. Các khoản phải thu	6	17.153.736.175	60.447.875.000
117.1	4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		12.795.861.175	55.000.000.000
117.2	4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		4.357.875.000	5.447.875.000
117.3	4.3 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		4.357.875.000	5.447.875.000
118	5. Trả trước cho người bán	8	15.000.000.000	15.003.000.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	270.000.000	298.000.000
122	7. Các khoản phải thu khác	6	1.204.371.493	1.182.474.692
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		18.217.491.184	39.487.744.419
131	1. Tạm ứng	9	17.719.169.740	39.015.560.503
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	498.321.444	466.257.911
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	5.926.005
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		107.132.266.510	41.963.273.879
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		106.706.666.669	40.000.000.000
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	6	6.706.666.669	-
212	2. Các khoản đầu tư	12	100.000.000.000	40.000.000.000
212.1	2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000.000	40.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		116.666.669	286.176.397
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	-	4.231.938
222	- Nguyên giá		3.318.712.723	3.318.712.723
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.318.712.723)	(3.314.480.785)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	116.666.669	281.944.459
228	- Nguyên giá		5.339.533.184	5.339.533.184
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.222.866.515)	(5.057.588.725)
250	V. Tài sản dài hạn khác		308.933.172	1.677.097.482
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	202.874.751	202.874.751
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	106.058.421	111.818.943
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	1.362.403.788
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		168.654.866.577	165.502.010.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.332.973.663	1.760.088.793
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.332.973.663	1.760.088.793
314	1. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		-	18.224.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	15.710.731
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	708.228.808	1.086.492.281
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.107.898	17.224.824
323	5. Phải trả người lao động		254.636.364	377.105.723
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		246.701.603	135.330.000
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	77.809.506	87.180.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		39.432.942	22.764.692
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		56.542	56.542
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		167.321.892.914	163.741.922.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	167.321.892.914	163.741.922.167
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		87.438.309	87.438.309
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		374.602.410	374.602.410
416	4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		141.430.149	141.430.149
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		(33.281.577.954)	(36.861.548.701)
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(30.886.450.954)	(36.861.548.701)
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(2.395.127.000)	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.654.866.577	165.502.010.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		20.000.000	20.000.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	20	6.143.700.000	55.785.900.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	21	110.000.000.000	40.000.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		-	229.365.920.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		-	229.316.920.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		-	49.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		-	72.613.850.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		-	72.613.850.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
026	3.	Tiền gửi của khách hàng	-	443.633.303
027	3.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	420.908.784
028	3.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	20.927.955
029	3.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	1.796.564
029.1	a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	-	1.796.564
031	4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	443.577.779
031.1	4.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	443.577.779
035	5.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	55.524

Chuy

Thanh Vân



Phạm Thị Hinh

Lê Bích Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
02	1.1	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.a)	6.706.666.669	5.980.694.439
06	1.2	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		10.210.413	190.312.977
09	1.3	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		39.630.180	79.164.459
10	1.4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		554.545.455	894.090.909
20		Cộng doanh thu hoạt động		7.311.052.717	7.144.262.784
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		18.492.073.600	91.601.700
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.b)	16.096.946.600	91.601.700
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.b)	2.395.127.000	-
22	2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	15.000.000.000
24	2.3	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(21.794.773.700)	21.757.621.122
26	2.4	Chi phí hoạt động tự doanh		32.258.760	-
27	2.5	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		73.848.594	938.795.781
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		54.521.691	203.307.946
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		523.887.248	946.705.663
40		Cộng chi phí hoạt động		(2.618.183.807)	38.938.032.212
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	23	33.219.654	87.066.833
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính		33.219.654	87.066.833
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
52	4.1	Chi phí lãi vay		12.224.437	204.000
60		Cộng chi phí tài chính		12.224.437	204.000
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	24	6.344.859.875	5.880.864.397
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		3.605.371.866	(37.587.770.992)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường
Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác		7.721	24.545.080
72	8.2 Chi phí khác		25.408.840	25.430.057
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(25.401.119)	(884.977)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		3.579.970.747	(37.588.655.969)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		5.975.097.747	(37.588.655.969)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(2.395.127.000)	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	25	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.579.970.747	(37.588.655.969)
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	26	179	(1.879)

Lê Bích Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(70.000.000.000)	(40.000.000.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		52.913.983.197	40.053.102.300
05	3. Tiền lãi đã thu		1.123.216.682	7.869.000.000
06	4. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(12.224.437)	-
07	5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(102.105.673)	(653.041.352)
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(2.859.562.188)	(2.254.198.114)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(41.713.032)	(260.495.383)
10	8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		(32.258.760)	-
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		77.257.943.086	101.585.041.451
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.264.555.330)	(91.536.972.175)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.276.455)	14.802.436.727
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	(15.000.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(15.000.000.000)
33	1. Tiền vay gốc		2.539.810.776	-
33.	1.1 Tiền vay khác		2.539.810.776	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.558.034.776)	-
34.	2.1 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		(18.224.000)	-
34.	2.2 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(2.539.810.776)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.224.000)	-
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(35.500.455)	(197.563.273)
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		130.285.378	327.848.651
61	Tiền		130.285.378	327.848.651
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		94.784.923	130.285.378
71	Tiền		94.784.923	130.285.378

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.104.707.400	59.566.142.300
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(238.740.000)	(40.011.272.700)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.281.343.752)	(24.546.309.440)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(28.256.951)	(484.214.117)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.222.989	450.615.646
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.222.989)	(450.615.646)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		(443.633.303)	(5.475.653.957)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		443.633.303	5.919.287.260
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		443.633.303	5.919.287.260
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		420.908.784	5.881.196.625
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.796.564	37.090.613
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		20.927.955	1.000.022
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		-	443.633.303
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		-	443.633.303
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	420.908.784
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	20.927.955
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	1.796.564

(Signature)

(Signature)



Lê Bích Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng Tiên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2016	01/01/2017	Năm 2016		Năm 2017		31/12/2016	31/12/2017
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	87.438.309	87.438.309	-	-	-	-	87.438.309	87.438.309
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	374.602.410	374.602.410	-	-	-	-	374.602.410	374.602.410
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	141.430.149	141.430.149	-	-	-	-	141.430.149	141.430.149
5. Lợi nhuận chưa phân phối	727.107.268	(36.861.548.701)	(37.588.655.969)	-	3.579.970.747	-	(36.861.548.701)	(33.281.577.954)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	727.107.268	(36.861.548.701)	(37.588.655.969)	-	5.975.097.747	-	(36.861.548.701)	(30.886.450.954)
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	(2.395.127.000)	-	-	(2.395.127.000)
TỔNG CỘNG	201.330.578.136	163.741.922.167	(37.588.655.969)	-	3.579.970.747	-	163.741.922.167	167.321.892.914

Nguyễn Thị Thanh Vân

Lê Bích Thủy
Người lập

Phạm Thị Hinh

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND; và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 11/05/2017 về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: rút nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành năm 2007 và được thay thế bởi Điều lệ ban hành ngày 16/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tư vấn tài chính.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan tới việc ngừng hoạt động nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và chuyển số dư tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư về Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime quản lý. Do đó, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã bán một số lượng lớn chứng khoán KSA do Công ty nắm giữ, giá thị trường của chứng khoán KSA trong năm 2017 tăng lên so với thời điểm 31/12/2016. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản hoàn nhập dự phòng tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền là 19,4 tỷ đồng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2017, lỗ lũy kế của Công ty là 33.281.577.954 đồng, chiếm 16,64% vốn chủ sở hữu; các khoản công nợ phải thu ngắn hạn có dấu hiệu quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang thực hiện các kế hoạch tái cơ cấu danh mục đầu tư, đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho khách hàng và có sự hỗ trợ của các cổ đông. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

ĐÓI
CỔ
ĐANH
V.G.K
A.A
V.X.T

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

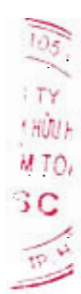
<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 03 - 05 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch 05 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính của Công ty là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty là chi phí lãi vay (phí ứng trước tiền bán chứng khoán) phát sinh trong kỳ.

2.15 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	11.964.220	80.709.841.400
- Cổ phiếu	5.964.220	20.709.841.400
- Trái phiếu	6.000.000	60.000.000.000
Của nhà đầu tư	439.274	1.323.987.400
- Cổ phiếu	439.274	1.323.987.400
	12.403.494	82.033.828.800

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.730.564	11.702.004
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	73.054.359	97.497.225
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	21.086.149
	94.784.923	130.285.378

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.157.808.000	762.681.000	29.964.596.000	8.169.822.300
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	10.000.000.000	-	-	-
	13.157.808.000	762.681.000	29.964.596.000	8.169.822.300

(*) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần ICT Thanh Bình theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 10/2017/HĐCNCPC ngày 29/09/2017 giữa ông Lê Hữu Thường và Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM. Tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần ICT Thanh Bình, số lượng 1.000.000 Cổ phần với giá trị 10.000.000.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	13.157.808.000	29.964.596.000	762.681.000	8.169.822.300	-	-	(2.395.127.000)	(21.794.773.700)	762.681.000	8.169.822.300
Cổ phiếu niêm yết	3.157.808.000	29.964.596.000	762.681.000	8.169.822.300	-	-	(2.395.127.000)	(21.794.773.700)	762.681.000	8.169.822.300
- KHL	88.310.000	88.310.000	22.500.000	36.000.000	-	-	(65.810.000)	(52.310.000)	22.500.000	36.000.000
- KSK	3.000.000	3.000.000	1.950.000	1.650.000	-	-	(1.050.000)	(1.350.000)	1.950.000	1.650.000
- KSA	3.066.498.000	29.873.286.000	738.231.000	8.132.172.300	-	-	(2.328.267.000)	(21.741.113.700)	738.231.000	8.132.172.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- ICT Thanh Bình (t)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	13.157.808.000	29.964.596.000	762.681.000	8.169.822.300	-	-	(2.395.127.000)	(21.794.773.700)	762.681.000	8.169.822.300

Ghi chú:

- Nguyên tắc xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính.
- Chênh lệch đánh giá tăng và chênh lệch đánh giá giảm của các cổ phiếu tại ngày 01/01/2017 chỉ được tính toán cho mục đích trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận và điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	12.795.861.175	55.000.000.000
- Phải thu bán chứng khoán KSA	861.175	-
- Phải thu gốc Trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)	12.795.000.000	55.000.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	4.357.875.000	5.447.875.000
- Phải thu lãi trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)	4.357.875.000	5.447.875.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	270.000.000	298.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long	58.000.000	88.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình	-	70.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Luyện Kim Màu	73.000.000	49.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	71.000.000	48.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	8.000.000	43.000.000
- Công ty Cổ phần Hồng Dương Việt Nam	60.000.000	-
Phải thu khác	1.204.371.493	1.182.474.692
- Ông Đinh Văn Tạo	108.228.636	108.228.636
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại	104.400.000	104.400.000
- Phải thu khác	991.742.857	969.846.056
	18.628.107.668	61.928.349.692

(*) Phải thu gốc và lãi trái phiếu đến hạn theo Biên bản thanh lý Hợp đồng số 01/BBTL/PT-VSM ngày 24/10/2016 và Biên bản thỏa thuận số 02/BBTT/PT-VSM ngày 10/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Phương Trung và Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM. Theo đó, khoản nợ gốc và lãi trái phiếu còn lại được gia hạn thanh toán đến ngày 15/03/2018.

b) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự thu lãi trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	6.706.666.669	-
	6.706.666.669	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng Tiên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		Số cuối năm VND	Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND		
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại	104.400.000	(104.400.000)	-	(104.400.000)	(104.400.000)
- Công ty TNHH Hợp Nhất	45.000.000	(45.000.000)	-	(45.000.000)	(45.000.000)
- Phải thu lãi và gốc từ hợp đồng hợp tác	108.228.636	(108.228.636)	-	(108.228.636)	(108.228.636)
- Các khoản phải thu khác	922.836.072	(922.836.072)	-	(922.836.072)	(922.836.072)
	1.180.464.708	(1.180.464.708)	-	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		
- Bà Phạm Thị Hình (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
- Các đối tượng khác	-	3.000.000
	15.000.000.000	15.003.000.000

(*): Khoản tiền trả trước cho bà Phạm Thị Hình để mua lại khu đất tại địa chỉ Thôn 3, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hình theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2016. Mục đích mua đất là để mở chi nhánh/văn phòng đại diện của Công ty tại Yên Bái theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 25/12/2016/VSM-HĐQT ngày 26/12/2016. Tại thời điểm ngày 31/12/2017, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục sang tên, chuyển giao quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . TẠM ỨNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bà Phạm Thị Hằng (i)	1.780.000.000	10.000.000.000
Bà Phạm Thị Hình (ii)	2.823.241.825	8.815.610.000
Ông Lê Hữu Lộc (iii)	2.956.000.000	5.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	-	10.000.000.000
Ông Phạm Xuân Ái (iv)	5.517.100.000	5.000.000.000
Ông Lại Thế Dinh (v)	4.510.425.000	199.950.503
Các cá nhân khác	132.402.915	-
	17.719.169.740	39.015.560.503

- (i) Theo Nghị quyết số 29.12/2017/VSM-HĐQT ngày 29/12/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hằng tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà trong hạn mức 2 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 5.397.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hằng đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 1,55 tỷ đồng trong tổng số dư tạm ứng của bà Hằng.
- (ii) Theo Nghị quyết số 29.12.4/2017/VSM-HĐQT ngày 29/12/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hình tiếp tục thực hiện việc tìm kiếm khách hàng, đối tác để mở rộng hoạt động tư vấn của Công ty trong hạn mức 3 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.118.000 cổ phiếu KHB, 1.220.000 cổ phiếu KSA thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hình đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime và/hoặc 5.395.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hình đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 1,68 tỷ đồng trong tổng số dư tạm ứng của bà Hình.
- (iii) Theo Nghị quyết số 29.12.2/2017/VSM-HĐQT ngày 29/12/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Lê Hữu Lộc tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái trong hạn mức 3 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.120.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà ông Lê Hữu Lộc làm đại diện nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 2,96 tỷ đồng trong tổng số dư tạm ứng của ông Lộc.
- (iv) Theo Nghị quyết số 29.12.3/2017/VSM-HĐQT ngày 29/12/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Phạm Xuân Ái trong hạn mức 6 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thuê/mua bất động sản để làm Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Khoản tạm ứng không có tài sản đảm bảo. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 3,77 tỷ đồng trong tổng số dư tạm ứng của ông Ái.
- (v) Theo Nghị quyết số 28.12/2017/VSM-HĐQT ngày 28/12/2017, Hội đồng Quản trị Công ty giao cho ông Lại Thế Dinh trong hạn mức 5 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các hoạt động liên quan tới tìm kiếm khách hàng, đối tác phục vụ hoạt động tư vấn. Khoản tạm ứng không có tài sản đảm bảo. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 1,92 tỷ đồng trong tổng số dư tạm ứng của ông Dinh.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	427.109.760	427.089.510
Chi phí sửa chữa văn phòng	65.525.532	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.686.152	39.168.401
	498.321.444	466.257.911

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	106.058.421	111.818.943
	106.058.421	111.818.943

11 . CÀM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	192.874.751	192.874.751
Đặt cọc khác	10.000.000	10.000.000
	202.874.751	202.874.751

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	40.000.000.000
- Trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa (*)	100.000.000.000	40.000.000.000
	100.000.000.000	40.000.000.000

(*): Trái phiếu của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa được mua lại theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01TP/2016/PH-VSM ngày 29/12/2016; 01TP/2017/PH-VSM ngày 10/04/2017 và số 02TP/2017/PH-VSM ngày 20/04/2017. Mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu; Kỳ hạn 05 năm; Tổng giá mua trái phiếu là 100 tỷ đồng; Lãi suất trái phiếu là 8%/năm. Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương mua trái phiếu này tại các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.12/2016/NQ-HĐQT; số 10.04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/04/2017 và số 20.04/2017/NQ-HĐQT ngày 20/04/2017.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Tại ngày 31/12/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	26.238.062	3.288.242.723	3.314.480.785
Khấu hao trong năm	4.231.938	-	4.231.938
Tại ngày 31/12/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	4.231.938	-	4.231.938
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.318.712.723 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 5.339.533.184 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31/12/2017 là 5.222.866.515 VND, khấu hao trong năm là 165.277.790 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao còn sử dụng là 4.739.533.184 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Handico)	324.407.402	751.686.404
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư WB - CAP	132.000.000	132.000.000
Phải trả các đối tượng khác	126.821.406	77.805.877
	708.228.808	1.086.492.281

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.799.723	-
Thuế Thu nhập cá nhân	3.308.175	17.224.824
	6.107.898	17.224.824

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, điện, nước, cước viễn thông	17.809.506	45.180.000
Chi phí phải trả khác	60.000.000	42.000.000
	77.809.506	87.180.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Bà Phạm Thị Hinh	26,98%	53.950.000.000	26,98%	53.950.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	26,99%	53.975.000.000	26,99%	53.975.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	13,05%	26.095.000.000	13,05%	26.095.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	7,25%	14.500.000.000	7,25%	14.500.000.000
Ông Phạm Quốc Tuệ	5,74%	11.475.000.000	5,74%	11.475.000.000
Công ty Cổ phần Phương Trung	5,60%	11.205.000.000	5,60%	11.205.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(30.886.450.954)	(36.861.548.701)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.395.127.000)	-
	(33.281.577.954)	(36.861.548.701)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(36.861.548.701)	727.107.268
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	5.975.097.747	(37.588.655.969)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(30.886.450.954)	(36.861.548.701)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(30.886.450.954)	(36.861.548.701)

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.143.700.000	55.785.900.000
	<u><u>6.143.700.000</u></u>	<u><u>55.785.900.000</u></u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	110.000.000.000	40.000.000.000
	<u><u>110.000.000.000</u></u>	<u><u>40.000.000.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . THU NHẬP

a) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
	6.706.666.669	-
	-	5.980.694.439
	6.706.666.669	5.980.694.439

Lãi trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa
Lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Phương Trung

b) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết								
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	4.964.220	10.709.841.400	-	26.806.788.000	-	16.096.946.600	-	91.601.700
+ KSA	4.964.220	10.709.841.400	-	26.806.788.000	-	16.096.946.600	-	91.601.700
		10.709.841.400	-	26.806.788.000	-	16.096.946.600	-	91.601.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	33.219.654	87.066.833
	33.219.654	87.066.833

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.693.559.101	2.504.432.460
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	297.780.000	257.516.432
Chi phí vật tư văn phòng	-	75.913.601
Chi phí công cụ, dụng cụ	199.288.661	240.776.682
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.509.728	210.156.665
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.204.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.784.371.385	2.521.261.117
Chi phí khác	197.351.000	67.602.750
	6.344.859.875	5.880.864.397

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.579.970.747	(37.588.655.969)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	15.430.057
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	15.430.057
Tổng thu nhập tính thuế	3.579.970.747	(37.573.225.912)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	3.579.970.747	(37.588.655.969)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.579.970.747	(37.588.655.969)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	179	(1.879)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.784.923	-	130.285.378	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	10.762.681.000	-	29.964.596.000	(21.794.773.700)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu	25.334.774.337	(1.180.464.708)	61.928.349.692	(1.180.464.708)
	<u>136.192.240.260</u>	<u>(1.180.464.708)</u>	<u>132.023.231.070</u>	<u>(22.975.238.408)</u>
			31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			-	18.224.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			747.661.750	1.124.967.704
Chi phí phải trả			77.809.506	87.180.000
			<u>825.471.256</u>	<u>1.230.371.704</u>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	10.762.681.000	-	-	10.762.681.000
	<u>10.762.681.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.762.681.000</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.169.822.300	-	-	8.169.822.300
	<u>8.169.822.300</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.169.822.300</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.784.923	-	-	94.784.923
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Các khoản phải thu	17.447.642.960	6.706.666.669	-	24.154.309.629
	<u>17.542.427.883</u>	<u>106.706.666.669</u>	<u>-</u>	<u>124.249.094.552</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.285.378	-	-	130.285.378
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu	60.747.884.984	-	-	60.747.884.984
	<u>60.878.170.362</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.878.170.362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	747.661.750	-	-	747.661.750
Chi phí phải trả	77.809.506	-	-	77.809.506
	<u>825.471.256</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>825.471.256</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	18.224.000	-	-	18.224.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.124.967.704	-	-	1.124.967.704
Chi phí phải trả	87.180.000	-	-	87.180.000
	<u>1.230.371.704</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.230.371.704</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31/12
CỔ
TRADING
10/2

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn	Hoạt động khác (*)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
		VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	6.706.666.669	554.545.455	49.840.593	7.311.052.717
Chi phí hoạt động	(3.290.475.663)	523.887.248	160.629.045	(2.605.959.370)
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	33.219.654
Chi phí không phân bổ	-	-	-	6.344.859.875
Kết quả hoạt động	9.997.142.332	30.658.207	(110.788.452)	3.605.371.866
Tài sản bộ phận trực tiếp	32.652.417.175	7.603.666.825	5.239.533.184	45.495.617.184
Tài sản không phân bổ	-	-	-	123.159.249.393
Tổng tài sản	32.652.417.175	7.603.666.825	5.239.533.184	168.654.866.577
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.332.973.663
Tổng nợ phải trả	-	-	-	1.332.973.663

(*) Bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và các hoạt động khác.

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	4.147.900.000	10.105.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	-	18.500.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	-	5.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	-	33.200.000.000
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	806.600.000	5.000.000.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	1.000.000	13.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu hồi tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	10.090.268.175	18.289.390.000
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	8.220.000.000	28.500.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	2.044.000.000	15.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	10.000.000.000	23.205.000.000
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	239.500.000	-
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	1.000.000	13.900.000.000
Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	-	29.508.421.000
Nhà đầu tư rút tiền khỏi tài khoản			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	-	35.979.520.000
Thu hồi gốc trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	42.205.000.000	30.000.000.000
Thu lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	1.090.000.000	7.869.000.000
Doanh thu tiền lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	-	5.980.694.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	80.000.000	80.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (i)	80.000.000	109.090.909
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (i)	80.000.000	230.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (i)	80.000.000	80.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (i)	110.000.000	230.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	2.823.241.825	8.815.610.000
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	1.780.000.000	10.000.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	2.956.000.000	5.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	-	10.000.000.000
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	5.517.100.000	5.000.000.000
Phải thu gốc trái phiếu đến hạn			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	12.795.000.000	55.000.000.000
Phải thu và dự thu lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	4.357.875.000	5.447.875.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	73.000.000	49.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (ii)	-	70.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (ii)	8.000.000	43.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (ii)	58.000.000	88.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (iii)	71.000.000	48.000.000
Trả trước cho người bán			
Bà Phạm Thị Hình	Chủ tịch HĐQT	15.000.000.000	15.000.000.000
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			
Bà Phạm Thị Hình	Chủ tịch HĐQT	-	87.732

(i) Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu.

(ii) Bà Phạm Thị Hình là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Gia Lai; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.

(iii) Bà Phạm Thị Hình là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	665.796.182	683.849.296

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Từ 01/01/2017, Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh hồi tố do đó số liệu so sánh trên các Báo cáo này là không thể so sánh được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo tình hình tài chính			
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	-	40.000.000.000
- Các khoản đầu tư	212	40.000.000.000	-

Lê Bích Thủy
Người lập**Nguyễn Thị Thanh Vân**
Kế toán trưởng**Phạm Thị Hình**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018